

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 163/2026/HS-ST
Ngày: 22-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Minh Lương.

2. Ông Ngô Trí Long.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 180/2026/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1990 tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: B P, khu phố A, phường B, thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: 4 đường P, phường P, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nhân viên; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông (không rõ) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1957 (đã chết).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 06/02/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Công ty Cổ phần D; Địa chỉ: 4 X, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lương Duy H1 – Chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T1, sinh năm: 1991 – Chức vụ: Quản lý khu vực; Địa chỉ: Căn hộ A tầng A, Chung cư A, TTCL, phường R, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Minh T là nhân viên giao hàng (nhân viên phát triển thị trường) theo hợp đồng số 2202325/HĐLĐ/EXP/2024 ngày 01/4/2025 của Công ty Cổ phần D (địa chỉ 4 X, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). T được phân công làm việc tại Chi nhánh B, phường H, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) và thực hiện nhiệm vụ nhận, vận chuyển, giao hàng hóa cho khách hàng, thu tiền hộ và nộp lại cho Công ty theo quy định.

Do thiếu nợ ngoài xã hội nên vào ngày 21/5/2025 sau khi giao hàng thành công cho một số khách hàng, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền thu hộ của công ty để sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể như sau:

Sáng ngày 21/5/2025, T được anh Vũ Duy H2 là quản lý Chi nhánh Bưu cục bàn giao tổng cộng 132 đơn hàng các loại, tương ứng tổng số tiền thu hộ là 49.066.959 đồng để thực hiện việc giao hàng cho khách trên địa bàn được phân công. Sau khi nhận hàng, T đã giao thành công 59 đơn hàng và thu của khách hàng số tiền 33.056.126 đồng. Sau khi nhận đủ tiền, T cập nhật trạng thái “giao hàng thành công” trên ứng dụng của công ty. T lấy thành công 12 đơn hàng từ khách hàng chuyển về Chi nhánh B để luân chuyển hàng hóa và đã thu đủ số tiền là 231.256 đồng. T giao hàng không thành công 56 đơn hàng nhưng chỉ bàn giao lại cho công ty E đơn hàng, trong số này có 01 đơn hàng T đã thu của khách hàng số tiền 20.000 đồng; 04 đơn hàng tổng giá trị 6.272.497 đồng, mặc dù đã giao hàng thành công và thu đủ tiền của khách nhưng T cố ý cập nhật trên ứng dụng của công ty là “giao hàng thất bại”. Sau đó, T quay về chi nhánh B khu phố T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh đến máy tính quản lý các mã hàng hoá mà Vũ Duy H2 thường sử dụng, lợi dụng việc anh Vũ Duy H2 không có mặt tại đây, T sử dụng máy tính quản lý của H2 để in lại 04 mã đơn hàng nêu trên rồi dán lên các kiện hàng khác chưa có mã nhằm che giấu việc đã giao hàng và chiếm đoạt số tiền thu hộ. Đến tối cùng ngày, do lo sợ bị phát hiện nên T đã tự khai nhận sự việc với anh H2 và viết bản tường trình.

Sau khi phát hiện sự việc, T đã nghỉ việc và không trả số tiền đã thu hộ từ khách hàng là 39.579. 879 đồng nên đại diện Công ty Cổ phần D đã trình báo vụ việc đến Cơ quan Công an.

Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận toàn bộ hành vi như trên (BL 33-62).

Ngoài ra, qua điều tra xác định: trong thời gian làm việc, T nợ truy thu của Công ty số tiền 5.326.304 đồng. Công ty còn giữ tiền lương và tiền cọc của T là 5.050 625 đồng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã bồi thường thiệt hại cho công ty Cổ phần

D và công ty X giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

* Phần dân sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại trả lại cho công ty Cổ phần D giao hàng nhanh 39.855.558 đồng sau khi trừ các chi phí phát sinh liên quan. Hiện Công ty giao hàng nhanh không yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 32A/CT-VKSHCM-KV ngày 21/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Minh T về tội “Tham ô tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố sau khi tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Minh T từ 02 năm đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội, tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 21/5/2025, Nguyễn Thị Minh T đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao là quản lý giao nhận hàng hóa, quản lý tiền nhận trực tiếp từ khách hàng tại chi nhánh B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh thuộc Công ty Cổ phần D giao hàng nhanh để chiếm đoạt tổng số tiền 39.579. 879 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Minh T đã đủ yếu tố cấu thành về tội “Tham ô tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức được pháp luật bảo vệ. Bị cáo được công ty nơi mình làm việc giao nhiệm vụ quản lý giao nhận hàng hóa, quản lý tiền nhận trực tiếp từ khách hàng nhưng lại lợi dụng nhiệm vụ được giao để chiếm đoạt tài sản do mình có trách nhiệm quản lý. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đủ tác dụng giáo dục riêng, đồng thời bảo đảm phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.
- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần D và Công ty xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Minh T phạm tội “Tham ô tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51, 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Minh T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/02/2026.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Minh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (22/6/2026) bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp Hồ Chí Minh;
- PV06, PC10–Công an Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 12 – Tp Hồ Chí Minh;
- Công an Tp Hồ Chí Minh;
- Phòng THA dân sự khu vực 12 -Tp Hồ Chí Minh;
- UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai

